TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 342/2019/DS-ST
Ngày: 28-6-2019
V/v Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 922/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1985
Địa chỉ: 5/55B ấp N, xã T, huyện H, Tp.HCM.
- *Đại diện do bà P ủy quyền*: bà Nguyễn Thị Hồng G (có mặt)
Địa chỉ: 227 đường Nguyễn Thái S, phường 7, quận G, Tp.HCM.

2. <u>Bị đơn</u>: Ông Trần Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: 1/22 ấp 6, xã Đ, huyện H, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy P có đại diện là bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày:

Ngày 21/9/2017 bà P cho ông T vay số tiền 170 triệu đồng với thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Hai bên đã ký Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Đ. Theo đó hàng tháng hai bên thống nhất tiền lãi là 1,5%/tháng, hàng tháng trả tiền lãi vào ngày 21 dương lịch. Sau khi hai bên ký hợp

đồng vay tiền, ông T không trả tiền lãi hàng tháng cho bà P theo thỏa thuận. Do vậy, ngày 19/12/2017 bà P khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 21/11/2017 với số tiền là 175.100.000 đồng. Sau đó ngày 08/8/2018 bà P có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu, cụ thể yêu cầu ông T thanh toán tổng số tiền là 202.512.500 đồng, trong đó: Nợ gốc: 170 triệu đồng; Tiền lãi trong hạn từ ngày 21/9/2017 đến ngày 20/3/2018 là 15.300.000 đồng; Tiền lãi quá hạn từ ngày 21/3/2018 đến ngày 06/8/2018 là 17.212.500 đồng

Hiện nay, phía bà P xác định yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc là 170 triệu đồng và tiền lãi trong hạn (từ 21/9/2017 đến 20/3/2018) là 15.300.000 đồng. Ngoài ra, yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi quá hạn từ 21/3/2018 đến thời điểm Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Yêu cầu ông T trả nợ gốc và tiền lãi thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Phía nguyên đơn xác định giao dịch vay tiền do cá nhân bà P và ông T ký kết, số tiền bà P giao cho ông T là tiền của cá nhân bà P. Do đó, bà P chỉ yêu cầu cá nhân ông T chịu trách nhiệm trả tiền cho bà P, không yêu cầu gia đình vợ con ông T chịu trách nhiệm đối với khoản vay này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn căn cứ Hợp đồng vay tài sản do bà Nguyễn Thúy P và ông Trần Văn T ký ngày 21/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ để khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn là ông Trần Văn T hiện đang cư trú trên địa bàn huyện H. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện H, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Ông Trần Văn T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thúy P (có đại diện là bà Nguyễn Thị Hồng G) yêu cầu ông T thanh toán cho bà P số tiền 185.300.000 đồng (trong đó nợ gốc là 170.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 21/9/2017 đến ngày 20/3/2018 là 15.300.000

đồng) và tiền lãi từ ngày 21/3/2018 đến thời điểm Tòa án xét xử theo mức lãi suất quá hạn do pháp luật quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy bà P đã xuất trình được bản chính Hợp đồng vay tiền do ông T và bà P ký ngày 21/9/2017 có xác nhận tại Văn phòng Công chứng Đ và bản chính Biên nhận tiền đề ngày 21/9/2017 thể hiện số tiền bà P cho ông T vay là 170.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, ông T không trả tiền lãi hàng tháng cho bà P nên ngày 27/11/2017 bà P có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông T trả nợ gốc và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

Hợp đồng vay tài sản hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi, tiền lãi thanh toán vào ngày 21 dương lịch hàng tháng, nhưng trong Hợp đồng vay không xác định rõ mức lãi suất, tuy nhiên trong Biên nhận nhận tiền đề ngày 21/9/2017 có ghi lãi suất 1,5%/tháng. Xét mức lãi suất do hai bên thỏa thuận (tương đương 18%/năm) không vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 nên thỏa thuận này phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, phía bà P yêu cầu áp dụng mức lãi suất hai bên thỏa thuận làm căn cứ tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

Xét Hợp đồng vay có thời hạn 6 tháng kể từ ngày 21/9/2017, việc ông T vi phạm nghĩa vụ không thanh toán tiền lãi hàng tháng và phía bà P yêu cầu ông T thanh toán tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Do đó, ông T phải trả tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng (1,5%/tháng) trong thời hạn vay từ 21/9/2017 đến 20/3/2018, đồng thời ông T phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng (tương đương 2,25%/tháng) kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay (21/3/2018) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (28/6/2019).

Như vậy, tổng số nợ gốc và tiền lãi ông T phải trả cho bà P là 243.695.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 170.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả là 15.300.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 58.395.000 đồng.

Đối với phía bị đơn là ông Trần Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*". Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận số tiền nợ gốc và lãi theo những chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T phải trả cho bà P số tiền là 243.695.000 đồng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà P yêu cầu ông T thanh toán nợ gốc và tiền lãi một lần, thi hành ngay sau khi án có hiệu luật pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số

tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ vay được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thúy P về việc yêu cầu ông Trần Văn T thanh toán nợ vay theo Hợp đồng vay tài sản do bà Nguyễn Thúy P và ông Trần Văn T ký ngày 21/9/2017 tại Văn phòng Công chứng Đ:

Buộc ông Trần Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thúy P số tiền là 243.695.000 đồng, trong đó: nợ gốc: 170.000.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: 15.300.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 58.395.000 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Văn T phải chịu 12.184.750 (Mười hai triệu một trăm tám mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thúy P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.377.500 (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo Biên lai thu tiền số 0017555 ngày 19/12/2017 và số tiền 685.313 (Sáu trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm mười ba) đồng theo Biên lai thu tiền số 0004119 ngày 20/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

3/. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKDND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh